

Bản án số: 202/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

ĐKTT: Ấp Thuận H 2, xã Hòa Khánh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Bình T, xã Hòa Khánh Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Thuận H 2, xã Hòa Khánh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T cưới nhau vào năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 02/11/2004 (Giấy đăng ký số 80/2004, quyển số 01). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 13/12/2005 và Nguyễn Bảo Duy, sinh ngày 07/12/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Nguyễn Bảo Khang và Nguyễn Bảo Duy có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp, hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L. Từ đó, cho thấy ông T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà L và ông T trên thực tế không còn tồn tại từ năm 2020 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] *Về con chung:* Bà L và ông T có hai con chung tên Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 13/12/2005 và Nguyễn Bảo Duy, sinh ngày 07/12/2011. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi hai con, ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này. Xét thấy, nguyện vọng của hai cháu là muốn sống với mẹ,

nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Khang và cháu Duy cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phân cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc "*Ly hôn*" với ông Nguyễn Thanh T.

1. *Về hôn nhân*: Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. *Về con chung*: Bà Phan Thị L được quyền nuôi hai con chung tên Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 13/12/2005 và Nguyễn Bảo Duy, sinh ngày 07/12/2011, ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006524 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- CCTHADS huyện Đức Hòa.
- UBND xã Hòa Khánh N,
huyện Đức Hòa.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

